TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 405/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 25 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 491/2024/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1.Anh **Bùi Duy T** – sinh năm 1995. Căn cước công dân số: 037095001xxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/6/2024.

Nơi thường trú: Số 2606, N01B, K35 phố T, phường T, quận H, thành phố H.

2.Chị **Nguyễn Mai Anh Tr** – sinh năm 1993. Căn cước công dân số: 079193016xxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2021.

Nơi thường trú: Số 52/5E1, Khu phố 4, phường T, quận B, thành phố H.

Chỗ ở: Số 2606, N01B, K35 phố T, phường T, quận H, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về quan hệ hôn nhân**: Anh Bùi Duy T và chị Nguyễn Mai Anh Tr xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận B, thành phố H, ngày 30/11/2022 đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. **Về con chung:** Anh, chị không có con chung. Hiện không có thai chung với nhau.

[3]. **Về tài sản chung**: Anh, chị thống nhất như sau

3.1. Về động sản: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.2.Về bất động sản (nhà ở, đất ở): Không có.

3.3. Về nợ chung: Anh T và chị Tr không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. **Về lệ phí Tòa án**: Anh Bùi Duy T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình và không có yêu cầu gì đối với chị Nguyễn Mai Anh Tr.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.Về quan hệ hôn nhân: **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Bùi Duy T và chị Nguyễn Mai Anh Tr.**

2. Về con chung: Anh Bùi Duy T và chị Nguyễn Mai Anh Tr xác nhận không có.

3.Về tài sản chung:

3.1. Về động sản: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

3.2.Về bất động sản (nhà ở, đất ở): Không có và không yêu cầu Tòa án giải

quyết nên Tòa không xét.

3.3. Về khoản nợ chung: Không có.

4. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Duy T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai số 0033979 ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H. Anh Bùi Duy T đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận H;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận H;
- UBND phường T, quận B,
Thành phố H (để ghi vào sổ hộ tịch:
GCNKH số 118/2022, ngày 30/11/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế H